

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

SỞ TÀI CHÍNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT BÁO CÁO TỔNG HỢP

**ĐỀ ÁN THÀNH LẬP
KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO GIA BÌNH
GẮN VỚI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH**

Bắc Ninh, Tháng 03 năm 2026

NỘI DUNG:

- 1. PHẦN MỞ ĐẦU**
- 2. PHẦN THỨ NHẤT: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG, CÁC YẾU TỐ VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẶC THÙ**
- 3. PHẦN THỨ HAI: ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP**
- 4. PHẦN THỨ BA: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO GIA BÌNH**
- 5. PHẦN THỨ TƯ: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI**
- 6. PHẦN THỨ NĂM: KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH**
- 7. PHẦN THỨ SÁU: ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**
- 8. PHẦN PHỤ LỤC**



PHẦN MỞ ĐẦU

- I. Sự cần thiết lập Đề án
- II. Căn cứ pháp lý và cơ sở khoa học
- III. Phạm vi nghiên cứu, Quan điểm và mục tiêu phát triển



I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN

1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

1.1.1. Bối cảnh cạnh tranh thu hút FDI công nghệ cao toàn cầu:

- **Nhiệm vụ:** Phân tích dòng dịch chuyển FDI và so sánh lợi thế cạnh tranh của Việt Nam so với các đối thủ trực tiếp trong khu vực.

- **Mục tiêu:**

- Chứng minh định vị của FTZ Gia Bình không phải để cạnh tranh nội địa mà là cạnh tranh quốc tế, nhằm thu hút dòng vốn chất lượng cao.
- Chứng minh Việt Nam (và Bắc Ninh) là điểm đến trọng tâm của các nhà đầu tư lớn trong lĩnh vực công nghệ (Amkor, Foxconn, Samsung...).

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN

1.1.2. Sự dịch chuyển sang mô hình Aerotropolis 4.0 và Hệ sinh thái Kinh tế Mở Tích hợp:

- Nhiệm vụ:

- Tổng hợp báo cáo của tư vấn nước ngoài của chủ đầu tư và chủ động tìm hiểu các nguồn tài liệu về các mô hình FTZ sân bay thành công (Incheon, Dubai, Trịnh Châu). Phân tích sự chuyển dịch từ vận tải biển sang vận tải hàng không đối với hàng hóa giá trị cao.
- Phân tích xu hướng phát triển từ sân bay truyền thống sang Aerotropolis 4.0, nơi cơ sở hạ tầng, sử dụng đất và nền kinh tế được tổ chức đồng tâm quanh một sân bay quốc tế.
- Chứng minh tính tất yếu của việc tích hợp bốn luồng dịch chuyển toàn cầu bao gồm hàng hóa, vốn, công nghệ và nhân lực vào một hệ sinh thái duy nhất để tạo ra lợi thế cạnh tranh quốc gia.
- Nghiên cứu các xu hướng tích hợp trí tuệ nhân tạo và tự động hóa trong logistics sân bay và quản lý chuỗi cung ứng để tạo tiền đề cho các phân tích kỹ thuật ở các chương sau.

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN

1.1.2. Sự dịch chuyển sang mô hình Aerotropolis 4.0 (tiếp):

- **Mục tiêu:** Khẳng định xu thế tất yếu của việc phát triển kinh tế gắn liền với sân bay. Cần đặt dự án vào bức tranh cạnh tranh toàn cầu để làm nổi bật tính cấp thiết của việc xây dựng một FTZ có cơ chế vượt trội, không chỉ đơn thuần là nơi trung chuyển hàng hóa (logistics) mà là một hệ sinh thái kinh tế mở.

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN

1.2. Nhu cầu thực tiễn của tỉnh Bắc Ninh

1.2.1. Phân tích điểm nghẽn logistics hiện tại:

- **Nhiệm vụ:** Thu thập các tài liệu từ các doanh nghiệp FDI tại KCN Yên Phong, Quế Võ... về thời gian, chi phí trung chuyển hàng hóa đi Nội Bài/Hải Phòng. Xác định nhu cầu về kho hàng không (Air Cargo) tại chỗ. (tài liệu cung cấp thông qua sự phối hợp chủ trì của chủ đầu tư dự án và cơ quan của địa phương).
- **Mục tiêu:** Định lượng được sự lãng phí chi phí logistics hiện tại để làm cơ sở cho sự cần thiết của dự án.

1.2.2. Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn:

- ❑ Rà soát Nghị quyết của Tỉnh ủy/HĐND Bắc Ninh về công nghiệp bán dẫn. Đánh giá nhu cầu hạ tầng đặc thù (điện, nước sạch, xử lý rung chấn) của ngành này.

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN

1.3. Vai trò của Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với động lực tăng trưởng vùng

- ✓ Phân tích định hướng phát triển Cảng hàng không quốc tế Gia Bình để làm rõ tính chất "chuyên dụng hàng hóa" và "lưu trữ" của sân bay. Trong đó làm rõ CHK Quốc tế Gia Bình mang sứ mệnh quốc gia, là trung tâm trung chuyển hành khách và hàng hóa khu vực, làm nền tảng cốt lõi cho FTZ.

(Đánh giá vai trò của sân bay không chỉ ở công suất vận tải mà ở khả năng thu hút các trụ sở khu vực, trung tâm nghiên cứu và phát triển, và kiến tạo nền kinh tế điểm đến; bao gồm việc phân tích năng lực kết nối không gian từ lõi sân bay đến các vành đai công nghiệp công nghệ cao và khu phi thuế quan liền kề, qua đó chứng minh sân bay không chỉ chuyên chở mà còn dẫn dắt sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế của toàn vùng)

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ KHOA HỌC

2.1. Hệ thống văn bản pháp lý

2.1.1. Văn kiện Đảng và Nhà nước:

- Hệ thống hóa Nghị quyết 30-NQ/TW (Vùng ĐBSH), Nghị quyết 57-NQ/TW (KHCCN & Đổi mới sáng tạo), Nghị quyết 03/2025/NQ-CP, và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

2.1.2. Quy hoạch ngành và địa phương:

- Rà soát và phối hợp cung cấp thông tin trong việc tích hợp đồng bộ với các quy hoạch có liên quan trong quá trình thực hiện Đề án.

2.1.3. Cơ sở pháp lý về cơ chế đặc thù (Benchmarking):

- Phân tích chi tiết Nghị quyết 136/2024/QH15 (Đà Nẵng) và bài học kinh nghiệm quốc tế từ các nước có điều kiện tương đồng với Đề án thực hiện để lọc ra các nhóm cơ chế về: Thành lập FTZ, Ưu đãi thuế, Thủ tục hải quan...

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ KHOA HỌC

2.2. Cơ sở khoa học

2.2.1. Lý luận về FTZ thế hệ mới (FTZ 2.0):

- Rà soát, biên tập, cụ thể hoá và bổ sung thông tin về các khái niệm về FTZ 2.0 (tập trung vào đổi mới sáng tạo, dịch vụ) thay vì FTZ 1.0 (gia công, miễn thuế đơn thuần) từ báo cáo tư vấn nước ngoài thực hiện với chủ đầu tư.

III. PHẠM VI NGHIÊN CỨU, QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

3.1. Phạm vi nghiên cứu

3.1.1. Phạm vi trực tiếp (Vùng lõi):

- Xác định phạm vi, ranh giới khu vực cảng hàng không quốc tế Gia Bình với các vùng mở rộng dự kiến.

3.1.2. Phạm vi gián tiếp (Vùng đệm):

- Nghiên cứu mở rộng các khu vực nằm trong phạm vi ảnh hưởng (tác động đến các yếu tố kinh tế - xã hội) và kết nối hạ tầng để đề xuất ranh giới Khu TMTD.

3.1.2. Phạm vi nghiên cứu mở rộng

- Định vị FTZ Gia Bình như một nền tảng (Platform) hệ sinh thái kinh tế mở", trong đó CHK Gia Bình là hạt nhân trung tâm. Ranh giới FTZ sẽ bao trùm (hoặc tích hợp trực tiếp) ranh giới CHK Gia Bình, qua đó thiết lập cơ chế ưu đãi đặc thù cho các hoạt động hàng không và dịch vụ

III. PHẠM VI NGHIÊN CỨU, QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

3.2. Quan điểm phát triển

- Phát triển FTZ theo mô hình tích hợp đa chức năng gắn với sân bay, lấy đổi mới sáng tạo, công nghệ cao và logistics làm động lực tăng trưởng, hướng tới hình thành cực phát triển mới có sức cạnh tranh quốc tế.
- Định hướng này nhằm tối ưu hóa lợi thế vị trí chiến lược, nâng cao giá trị gia tăng, bảo đảm phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường và an ninh quốc phòng trong dài hạn; đây là quan điểm nền tảng, mang tính ổn định và định hướng xuyên suốt của Đề án.

III. PHẠM VI NGHIÊN CỨU, QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

3.3. Mục tiêu phát triển

3.3.1. Mục tiêu tổng quát

- ✓ Phát triển hình thành khu Thương mại Tự do Gia Bình hướng tới một tầm nhìn vượt trội: trở thành hệ sinh thái kinh tế mở tích hợp đa phương thức hàng đầu châu Á và là mô hình thí điểm cấp quốc gia cho nền kinh tế mở thể hệ mới của Việt Nam.

III. PHẠM VI NGHIÊN CỨU, QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

3.3.1. Mục tiêu cụ thể

- ❑ Hình thành Khu thương mại tự do FTZ Gia Bình tại tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở nghiên cứu xây dựng Sandbox thể chế kinh tế mở thể hệ mới cấp quốc gia.
- ❑ Kiến tạo Hệ sinh thái tích hợp và Thiết lập Bộ chỉ tiêu Đổi mới sáng tạo: thiết lập các chỉ tiêu về quy mô dòng chảy vốn thông qua trung tâm thương mại và tài chính, số lượng doanh nghiệp kỳ lân hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ thiết lập trung tâm nghiên cứu, và tỷ lệ đóng góp của hàm lượng công nghệ cao vào tổng giá trị sản xuất. Kiến tạo hành lang pháp lý linh hoạt, coi việc xây dựng thành công khung pháp lý thử nghiệm là một sản phẩm đầu ra cốt lõi của đề án, đóng vai trò nền tảng thí điểm cấp quốc gia.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG, CÁC YẾU TỐ VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẶC THÙ

- I. Các yếu tố về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên
- II. Đánh giá hiện trạng Kinh tế - Xã hội và Hạ tầng kỹ thuật
- III. Đánh giá tổng hợp (SWOT)



I. CÁC YẾU TỐ VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1.1. Vị trí địa lý kinh tế - chính trị

1.1.1. Kết nối giao thông đa phương thức:

- ❑ Khảo sát thực trạng và quy hoạch các tuyến QL17, QL18, Vành đai 4, Sông Đuống. Làm rõ việc kết nối logistics đa phương thức (Không - Bộ - Thủy - Sắt).

1.1.2. Vị trí trong hành lang kinh tế:

- ❑ Đánh giá cự ly và thời gian di chuyển từ Gia Bình đến các trung tâm: Hà Nội, Hải Phòng (Cảng biển), Lạng Sơn (Cửa khẩu), Thái Nguyên (KCN vệ tinh).

I. CÁC YẾU TỐ VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1.2. Điều kiện tự nhiên và Môi trường

1.2.1. Địa hình, địa chất:

- ❑ Thu thập số liệu địa chất công trình khu vực Gia Bình để đánh giá sơ bộ về chi phí san lấp và giải pháp móng cho công trình tải trọng lớn (kho hàng...).

1.2.2. Khí tượng thủy văn:

- ❑ Phân tích số liệu gió, sương mù, bão trong các năm gần nhất để đánh giá tần suất hoạt động bay (đặc biệt là yêu cầu hạ cánh chính xác CAT III).

II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

2.1. Hiện trạng hạ tầng Sân bay Gia Bình

2.1.1. Khu bay và Nhà ga:

- Cập nhật tiến độ GPMB và thi công đường băng. Mô tả thông số kỹ thuật theo QĐ 1737 (kích thước đường băng, sân đỗ, đài kiểm soát không lưu).

2.1.2. Năng lực hàng hóa:

- Tính toán công suất thiết kế hàng hóa (triệu tấn/năm) và so sánh với nhu cầu dự báo.

II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

2.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật ngoại khu

2.2.1. Hiện trạng Hạ tầng Năng lượng, Cấp thoát nước và các hạ tầng liên kết khác có liên quan

- ❖ Khảo sát nguồn cấp điện (trạm 500kV/220kV gần nhất) và nguồn nước sạch. Đánh giá khả năng đáp ứng tiêu chuẩn khát khe của sản xuất chip (độ ổn định điện áp, độ tinh khiết nước).
- ❖ Đánh giá năng lực của lưới điện trong việc cung cấp năng lượng tái tạo, bởi các doanh nghiệp công nghệ cao toàn cầu đang bị ràng buộc bởi các tiêu chuẩn khát khe về môi trường, xã hội và quản trị, đòi hỏi một tỷ lệ lớn năng lượng sạch trong sản xuất.

II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

2.2.2. Khả năng Đáp ứng Hạ tầng Công nghệ Số

- Đánh giá hiện trạng và quy hoạch hệ thống cáp quang biển, băng thông quốc tế và khả năng thiết lập các trung tâm dữ liệu tiêu chuẩn quốc tế tại khu vực Gia Bình và các vùng lân cận.

2.3. Hiện trạng dân cư và sử dụng đất

2.3.1. Hiện trạng sử dụng đất:

- Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất (tỷ lệ thích hợp phù hợp theo CSDL thu thập và mức độ nghiên cứu định hướng của Đề án). Thống kê diện tích đất lúa, đất ở, đất chuyên dùng cần chuyển đổi.

2.3.2. Hiện trạng dân cư:

- Đánh giá tác động sơ bộ việc ảnh hưởng các hộ dân, đánh giá tác động xã hội và nhu cầu tái định cư...

III. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP (SWOT)

3.1. Điểm mạnh và Cơ hội:

- ❑ Phân tích lợi thế của địa phương đi sau (công nghệ mới hơn Nội Bài) và lợi thế trung tâm (nằm giữa thủ phủ công nghiệp).

3.2. Điểm yếu và Thách thức:

- ❑ Nhận diện rõ thách thức về cạnh tranh nguồn hàng, thiếu hụt nhân lực hàng không tại chỗ và rào cản pháp lý chưa hoàn thiện.

PHẦN THỨ HAI

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP

- I. Sự phù hợp với các quy hoạch
- II. Khả năng huy động nguồn lực
- III. Điều kiện về An ninh - Quốc phòng và Môi trường



I. SỰ PHÙ HỢP VỚI CÁC QUY HOẠCH

1.1. Phù hợp với Quy hoạch tỉnh và Vùng:

- ❖ Đối chiếu ranh giới đề xuất với bản đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh 2021-2030. Phù hợp, giải trình các điểm điều chỉnh (nếu có).

1.2. Phù hợp với Quy hoạch ngành hàng không:

- ❖ Chứng minh sự đồng bộ với mạng lưới cảng hàng không toàn quốc.

II. KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

2.1. Nguồn lực đất đai:

- Tính toán sơ bộ tổng kinh phí GPMB. Đề xuất phương án tạo quỹ đất sạch (BT, Đầu tư công hay Doanh nghiệp ứng vốn).

2.2. Nguồn lực tài chính:

2.2.1. Vốn đầu tư công (Hạ tầng khung):

- Lập khái toán tổng mức đầu tư cho hệ thống giao thông kết nối, đê điều, cấp điện nước đến chân hàng rào.

2.2.2. Vốn xã hội hóa (Hạ tầng kinh doanh):

- Đánh giá sự quan tâm của các nhà đầu tư chiến lược thông qua các MoU hoặc cam kết đã có.

II. KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC (tiếp)

2.3. Khả năng thu hút Nhân tài Toàn cầu và Hệ sinh thái Đào tạo Chuyên sâu:

- Nghiên cứu, dự báo nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tài chính, trí tuệ nhân tạo, thiết kế vi mạch và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu. Đề án phải đánh giá các điều kiện vi mô về chất lượng sống, tiện ích y tế, giáo dục quốc tế hiện hữu hoặc cần đầu tư để có thể hình thành sức hút đối với các chuyên gia quốc tế, từ đó làm cơ sở cho việc đề xuất các chính sách thị thực và thuế thu nhập cá nhân ở các phần sau.

III. ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH - QUỐC PHÒNG VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Bảo đảm Quốc phòng - An ninh (Đặc thù sân bay lưỡng dụng):

3.1.1. Quy chế phối hợp:

- Xây dựng dự thảo nguyên tắc phối hợp giữa Bộ Công an (quản lý Trung đoàn không quân), Bộ Quốc phòng (quản lý vùng trời) và Chính quyền/Doanh nghiệp (khai thác kinh tế).

3.1.2. An ninh hàng không:

- Nghiên cứu đề xuất phương án hàng rào an ninh, hệ thống kiểm soát ra vào khu phi thuế quan.

III. ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH - QUỐC PHÒNG VÀ MÔI TRƯỜNG (tiếp)

3.2. Bảo vệ môi trường:

3.2.1. Đánh giá tiếng ồn:

- Mô phỏng vùng ảnh hưởng tiếng ồn của tàu bay B747/A380 để xác định khoảng cách an toàn đến khu dân cư.

- Và đánh giá các tác động kỹ thuật khác có liên quan.

3.2.2. Xử lý chất thải công nghệ cao:

- Đề xuất phương án xử lý nước thải chứa kim loại nặng từ sản xuất bán dẫn.

PHẦN THỨ BA

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO GIA BÌNH

- I. Bài học kinh nghiệm quốc tế và mô hình áp dụng
- II. Định hướng phát triển không gian và các phân khu chức năng
- III. Định hướng ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư
- IV. Phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật và xã hội
- V. Đánh giá tác động và quản lý rủi ro



I. BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ MÔ HÌNH ÁP DỤNG

1.1. Phân tích các mô hình Aerotropolis 4.0 và Trung tâm Hệ sinh thái Đổi mới sáng tạo toàn cầu Hiệu chỉnh nhằm truyền tải định hướng đúng cùng và vượt nhóm Incheon, Trịn Châu, Dubai, cần đánh giá các điểm nghẽn và bước tiến mới nhất của họ trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0:

- Incheon không chỉ là điểm trung chuyển mà đang triển khai tầm nhìn chuyển từ trung tâm giao thông sang hệ sinh thái đổi mới tích hợp với trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo lớn và hạ tầng máy tính hiệu năng cao.
- Trịn Châu đã tiến hóa từ một nhà máy gia công điện thoại thành một Aerotropolis 4.0 tích hợp kinh doanh thông minh và nghiên cứu phát triển các ngành vật liệu mới và y sinh.
- Dubai đang mở rộng vượt ra ngoài thương mại hàng hóa vật lý để thiết lập trung tâm tài chính số, công nghệ tài chính và quản lý tài sản số.

I. BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ MÔ HÌNH ÁP DỤNG (tiếp)

Nhiệm vụ chung là nghiên cứu cơ chế hình thành sự tích hợp.

- Đối với bài học Incheon, nhiệm vụ là nghiên cứu cơ chế hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo hàng không, cách thức thiết lập hạ tầng dữ liệu và mô hình hợp tác ba nhà giữa đại học, ngành công nghiệp và chính quyền để phát triển công nghệ cao.
- Đối với bài học Trịnh Châu, cần nghiên cứu cách thức họ sử dụng quy hoạch đô thị sân bay để thu hút nhân tài và tích hợp sâu công nghệ thông minh vào chuỗi giá trị thương mại điện tử xuyên biên giới.
- Đối với bài học Dubai, phân tích cách thức thiết lập cấu trúc tài chính số, giải quyết điểm nghẽn về tài trợ thương mại bằng công nghệ chuỗi khối, và cách họ xây dựng cơ chế quản lý linh hoạt để thu hút hàng chục nghìn doanh nghiệp tham gia.

I. BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ MÔ HÌNH ÁP DỤNG (tiếp)

1.1.1. Mô hình Incheon (Hàn Quốc) - Giải trí & Logistics

1.1.2. Mô hình Trịnh Châu (Trung Quốc) - Sản xuất & Gia công

1.1.3. Mô hình Dubai World Central (UAE) - Logistics đa phương thức

1.1.4. Và các mô hình các khu vực khác có liên quan

1.2. Đề xuất mô hình phát triển cho Gia Bình

1.2.1. Xác định triết lý phát triển FTZ 2.0:

Cụ thể hóa khái niệm FTZ 2.0: Không chỉ là nơi sản xuất (Factory) mà là nơi đổi mới sáng tạo (Innovation Hub) và đô thị đáng sống (Lifestyle).

1.2.2. Lựa chọn Nguyên mẫu (Prototype):

Dựa trên báo cáo tư vấn nước ngoài, đề xuất mô hình lai (Hybrid) giữa Sản xuất công nghệ cao/Bán dẫn và Thương mại/Mua sắm miễn thuế.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÀ CÁC PHÂN KHU CHỨC NĂNG

2.1. Xác định triết lý phát triển - Mô hình Aerotropolis (Kinh tế xoay quanh sân bay):

Làm rõ thể hiện triết lý phát triển GBFTZ không phải là xây dựng một khu thương mại tự do xung quanh sân bay, mà là xây dựng một nền kinh tế xoay quanh sân bay (Airport-led economy).

- ✓ Sân bay Gia Bình không chỉ thực hiện chức năng vận chuyển hành khách và hàng hóa, mà trở thành động cơ tăng trưởng kinh tế vùng.
- ✓ Đây là trung tâm logistics tốc độ cao, trung tâm thương mại quốc tế và trung tâm kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu, là bước chuyển từ "kinh tế gia công" sang "kinh tế giá trị cao và đổi mới sáng tạo".

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

2.2. Định hướng phát triển không gian theo hệ sinh thái 4 trụ cột kinh tế chiến lược

2.2.1. Trụ cột 1: Trung tâm Kết nối Toàn cầu & Logistics Đa phương thức

- ✓ Nghiên cứu các loại hình giao thông đa phương thức bao gồm hàng không, đường sắt, đường bộ và kết nối cảng biển; thông qua việc định hướng phát triển không gian kết nối đường sắt, bãi cạn ICD, kho vận tự động hóa, hạ tầng logistics xanh.
- ✓ Định hướng các khu chức năng ICD, hệ thống kết nối đường sắt tốc độ cao và các tuyến đường bộ chuyên dụng, tạo thành các hành lang luân chuyển không điểm nghẽn. Nghiên cứu ý tưởng các nền tảng logistics xanh và tự động hóa toàn phần bằng robot và trí tuệ nhân tạo nhằm tối đa hóa tốc độ luân chuyển và giảm chi phí dọc theo toàn bộ chuỗi cung ứng.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

2.2. Định hướng phát triển không gian theo hệ sinh thái 4 trụ cột kinh tế chiến lược

2.2.2. Trụ cột 2: Nền Sản xuất Công nghệ cao và Tiên tuyến Chuỗi giá trị

- ✓ Phân khu công nghiệp không thể chỉ dừng lại ở việc khoanh vùng quỹ đất cho công đoạn đóng gói và kiểm thử chip như đã nêu. Để thực hiện bước chuyển từ kinh tế gia công sang kinh tế giá trị cao, phân khu này cần được định hướng để thu hút các nhà máy thông minh trong nhiều lĩnh vực công nghệ tiên phong như vật liệu mới, y sinh, thiết bị năng lượng tái tạo và linh kiện hàng không vũ trụ.
- ✓ Nhiệm vụ cụ thể là xây dựng ý tưởng tổ chức không gian theo cụm liên kết ngành, cho phép các nhà cung cấp linh kiện cấp một và cấp hai nằm cận kề lõi lắp ráp, tối ưu hóa thời gian sản xuất tức thời. Cần thiết lập các vùng xanh thân thiện môi trường để đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững toàn cầu mà các tập đoàn đa quốc gia đang áp dụng.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

2.2. Định hướng phát triển không gian theo hệ sinh thái 4 trụ cột kinh tế chiến lược

2.2.3. Trụ cột 3: Trung tâm Thương mại - Tài chính số và Dịch vụ Doanh nghiệp

- ✓ Trên cơ sở chiến lược yêu cầu khơi thông dòng chảy vốn và tạo dòng tiền thanh khoản mạnh mẽ thông qua một trung tâm thương mại và tài chính độc lập. Do đó, đề mục này có nhiệm vụ quy hoạch một tổ hợp trung tâm tài chính quốc tế chuyên cung cấp các dịch vụ tài trợ thương mại, quản lý gia sản tư nhân và công nghệ tài chính, lấy cảm hứng từ mô hình thành công của Dubai.
- ✓ Nhiệm vụ nghiên cứu ý tưởng cấu trúc không gian cho sàn giao dịch hàng hóa số tích hợp công nghệ chuỗi khối, đảm bảo tính minh bạch và tốc độ giao dịch xuyên biên giới. Ngoài ra, cần bố trí các khu vực dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp như kế toán, pháp lý quốc tế và kiểm toán để hình thành một môi trường kinh doanh trọn gói, chuyên nghiệp.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

2.2. Định hướng phát triển không gian theo hệ sinh thái 4 trụ cột kinh tế chiến lược

2.2.4. Trụ cột 4: Hệ sinh thái Đổi mới sáng tạo & Kinh tế Điểm đến

- ✓ Từ chiến lược coi đổi mới sáng tạo là trụ cột tạo tăng trưởng dài hạn để thu hút dòng chảy trí thức và nhân lực, vì vậy cần hiệu chỉnh đặt ra nhiệm vụ quy hoạch không gian lõi cho các vườn ươm khởi nghiệp, phòng thí nghiệm dùng chung và không gian đồng sáng tạo.
- ✓ Cần nghiên cứu việc cấp quỹ đất để hình thành các viện nghiên cứu tư nhân từ các tập đoàn công nghệ lớn, tương tự như các mô hình vườn ươm tại Darmstadt hay Sharjah.
- ✓ Về cấu phần kinh tế điểm đến, cần tích hợp quy hoạch khu đô thị sân bay với các trung tâm hội nghị, triển lãm quốc tế phục vụ du lịch kết hợp sự kiện, khu giải trí cao cấp, khách sạn năm sao, y tế và giáo dục quốc tế. Sự phát triển hệ thống hạ tầng xã hội đẳng cấp này tạo ra lực hút giữ chân giới tinh hoa công nghệ sinh sống lâu dài thay vì chỉ coi đây là trạm dừng chân làm việc.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

2.3. Cấu trúc phân khu chức năng theo định hướng ngành ưu tiên

2.3.1. Tổ chức không gian chuyên biệt cho lĩnh vực công nghiệp hàng không

2.3.2. Tổ chức không gian chuyên biệt cho lĩnh vực y tế thông minh, dược phẩm

2.3.3. Tổ chức không gian chuyên biệt cho ngành công nghệ cao và năng lượng sạch

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

2.4. Cơ cấu sử dụng đất và phân khu chức năng

2.4.1. Cơ cấu sử dụng đất đa chức năng trong phạm vi FTZ

Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất theo hướng đa dạng (Hỗn hợp): Duy trì các quỹ đất công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, giao thông, đô thị... bên trong ranh giới.

2.4.2. Quỹ đất dự trữ phát triển chiến lược

III. ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH NGHỀ ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ

3.1. Nhóm ngành Logistics & Vận tải hàng không

- Xây dựng tiêu chí thu hút các hãng hàng không hàng hóa (Cargo Airlines), các công ty 3PL/4PL toàn cầu. Ưu tiên doanh nghiệp có mạng lưới bay kết nối Bắc Mỹ và Châu Âu.

3.2. Nhóm ngành Công nghiệp Bán dẫn & Điện tử

- Tập trung vào khâu OSAT (Đóng gói & Kiểm thử) và thiết kế IC (ít ô nhiễm, giá trị cao). Hạn chế khâu sản xuất Wafer (tốn nước, hóa chất) nếu chưa đảm bảo xử lý môi trường.

3.3. Nhóm ngành Tài chính số, Thương mại thế hệ mới và Công nghệ Tương lai

- Thiết lập các tiêu chí và các gói ưu đãi để thu hút các quỹ đầu tư mạo hiểm, công ty công nghệ tài chính, và các nền tảng cung cấp dịch vụ phần mềm doanh nghiệp.
- Nghiên cứu các biện pháp thu hút các viện nghiên cứu chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo, công nghệ lượng tử, thiết kế vi mạch và công nghệ xanh giảm phát thải carbon, đưa dự án trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị đổi mới toàn cầu.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ XÃ HỘI

4.1. Hạ tầng Giao thông kết nối đa phương thức

4.1.1. Kết nối đường bộ

4.1.2. Kết nối đường sắt

4.2. Hạ tầng Năng lượng & Công nghệ

4.2.1. Cấp điện:

Đề xuất xây dựng Trạm biến áp 220kV chuyên dụng cho Khu TMTD. Nghiên cứu phương án điện mặt trời mái nhà trên các kho hàng.

4.2.2. Hạ tầng số (Digital Infrastructure):

Định hướng các trung tâm dữ liệu (Data Center) và mạng 5G riêng (Private 5G) phục vụ nhà máy thông minh và hải quan số.

4.3. Hạ tầng Xã hội (Nhà ở & Tiện ích)

Xác định các khu đô thị sân bay với tiêu chuẩn quốc tế (trường học song ngữ, bệnh viện quốc tế) để giữ chân nhân tài ngành bán dẫn (vốn rất kén chọn môi trường sống).

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

5.1. Đánh giá rủi ro về cạnh tranh:

- Phân tích rủi ro cạnh tranh nguồn hàng với Nội Bài (Hà Nội) và Cát Bi (Hải Phòng). Đề xuất giải pháp phân chia thị trường (Gia Bình chuyên hàng hóa/Charter, Nội Bài chuyên khách/Commercial).

5.2. Đánh giá rủi ro an ninh hàng không:

- Nghiên cứu các kịch bản ứng phó sự cố an ninh, an toàn bay trong môi trường hoạt động hỗn hợp Quân sự - Dân sự.

PHẦN THỨ TƯ

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ- XÃ HỘI

- I. Tác động ngân sách
- II. Tác động việc làm
- III. Tác động môi trường
- IV. Tác động an ninh – quốc phòng
- V. Tính lan tỏa vùng



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ- XÃ HỘI

I. Tác động ngân sách

- ❖ FTZ làm tăng nhu cầu chi đầu tư hạ tầng và có thể giảm thu ngân sách ngắn hạn do ưu đãi thuế. Tuy nhiên, trung và dài hạn sẽ mở rộng cơ sở thu nhờ tăng trưởng doanh nghiệp, dịch vụ và giá trị đất đai.

II. Tác động việc làm

- ❖ FTZ tạo việc làm trực tiếp trong logistics, thương mại, công nghệ và nhiều việc làm gián tiếp trong dịch vụ phụ trợ. Đồng thời thúc đẩy chuyển dịch lao động sang khu vực có năng suất và giá trị gia tăng cao hơn.

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ- XÃ HỘI

III. Tác động môi trường

- Việc phát triển tập trung giúp kiểm soát tốt hơn quy hoạch và ứng dụng hạ tầng xanh. Tuy nhiên cần kiểm soát chặt chẽ tiếng ồn, giao thông và phát thải từ hoạt động hàng không và logistics.

IV. Tác động an ninh – quốc phòng

- Khu vực gần với sân bay có ý nghĩa chiến lược nên cần cơ chế kiểm soát đặc thù về đầu tư, hàng hóa và con người. Phân vùng chức năng rõ ràng sẽ bảo đảm vừa phát triển kinh tế vừa giữ vững an ninh quốc gia.

V. Tính lan tỏa vùng

- FTZ tạo cực tăng trưởng mới, thúc đẩy liên kết chuỗi cung ứng và phát triển đô thị vệ tinh. Qua đó góp phần cân bằng phát triển và giảm áp lực cho khu vực trung tâm.

PHẦN THỨ NĂM

KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Xây dựng kế hoạch và phân kỳ đầu tư
- II. Xác định tổng mức đầu tư
- III. Phương án tài chính và cơ chế huy động vốn
- IV. Kế hoạch thu hút đầu tư



I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

1.1. Giai đoạn 1 (2026 - 2030): Khởi tạo và Thiết lập nền tảng

1.1.1. Công tác pháp lý và Quy hoạch:

- ❖ Lập biểu đồ Gantt chi tiết cho các mốc: Phê duyệt Đề án → Phê duyệt Quy hoạch 1/2000 → Thành lập Ban Quản lý → Cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Nhà đầu tư hạ tầng.

1.1.2. Công tác Giải phóng mặt bằng (GPMB) và Tái định cư:

- ❖ Dự kiến phạm vi GPMB đợt 1 (Ưu tiên 125ha đất sân bay và 100-200ha đất KCN/Logistics tiếp giáp). Lập kế hoạch xây dựng khu tái định cư cho người dân bị ảnh hưởng.

1.1.3. Đầu tư Hạ tầng khung:

- ❖ Xây dựng danh mục các dự án cấp bách: Đường dẫn từ QL17 vào sân bay, trạm biến áp nguồn, hệ thống đê điều thủy lợi (nếu ảnh hưởng)...

I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

1.1.4. Thu hút các nhà đầu tư lớn:

- ✓ Xác định mục tiêu chốt được cam kết đầu tư với 01 Nhà khai thác nhà ga hàng hóa (Ví dụ: IPPG, ALS...) và 01 Nhà phát triển hạ tầng KCN quốc tế (Ví dụ: VSIP, Amata, Deep C).

1.2. Giai đoạn 2 (2031 - 2040): Tăng tốc và Lấp đầy

1.2.1. Đồng bộ hóa với Sân bay giai đoạn 2:

- ✓ Lập kế hoạch mở rộng khu Logistics khi sân bay nâng công suất lên 2,5 triệu tấn/năm.

1.2.2. Phát triển chiều sâu:

- ✓ Kế hoạch xây dựng các công trình tiện ích xã hội (Nhà ở chuyên gia, Trường đào tạo hàng không, Trung tâm R&D).

1.3. Giai đoạn 3 (Tầm nhìn đến 2050): Hệ sinh thái hoàn chỉnh

- ✓ Định hướng phát triển mô hình Đô thị Sân bay (Aerotropolis) thông minh, xanh, tích hợp du lịch và thương mại cao cấp.

II. XÁC ĐỊNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

2.1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Tính toán dựa trên khung giá đất mới của Luật Đất đai 2024 và hệ số điều chỉnh giá đất của Bắc Ninh. Lưu ý chi phí chuyển đổi đất lúa.

2.2. Chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật:

Khái toán chi phí san lấp (đặc thù vùng trũng/đồng bằng sông Hồng).

Khái toán chi phí đường giao thông, cấp thoát nước, xử lý nước thải, cấp điện.

Tham khảo suất vốn đầu tư của Bộ Xây dựng và các dự án tương đương (Sân bay Long Thành, KCN Yên Phong II-C).

2.3. Chi phí đầu tư các công trình kiến trúc (Thượng tầng):

Ước tính chi phí xây dựng Nhà ga hàng hóa, Kho ngoại quan, Nhà xưởng xây sẵn (RBF).

III. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH VÀ CƠ CHẾ HUY ĐỘNG VỐN

3.1. Phân định nguồn vốn (Cơ cấu vốn):

3.1.1. Vốn Ngân sách:

Xác định rõ các hạng mục Nhà nước BẮT BUỘC phải làm: GPMB (có thể ứng vốn từ DN), Đường kết nối ngoài hàng rào, Đê điều, An ninh quốc phòng.

3.1.2. Vốn Doanh nghiệp/Tư nhân:

Xác định các hạng mục xã hội hóa 100%: Hạ tầng KCN, Kho bãi, Nhà máy điện/nước, Nhà ga hàng hóa.

3.1.3. Mô hình PPP (Đối tác công tư):

Đề xuất áp dụng PPP cho các hạng mục dùng chung hoặc có tính chất công ích nhưng có khả năng thu hồi vốn (như Nhà máy xử lý nước thải, Trung tâm đào tạo).

III. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH VÀ CƠ CHẾ HUY ĐỘNG VỐN (tiếp)

3.2. Cơ chế huy động vốn tích hợp: Dòng vốn toàn cầu, Quỹ đầu tư mạo hiểm và Tài sản số

- Nghiên cứu các cơ chế chính sách để hình thành quỹ đầu tư phát triển công nghệ cao tại khu vực, thu hút sự tham gia của các tổ chức tài chính quốc tế và các nhà đầu tư thiên thần.
- Nghiên cứu tính khả thi của việc ứng dụng các nền tảng tài chính số để huy động vốn cộng đồng cho các dự án khởi nghiệp nằm trong khuôn khổ khu kinh tế, đảm bảo nguồn tài chính dồi dào và đa dạng cho sự phát triển dài hạn.

3.3. Phân tích hiệu quả tài chính (Financial Analysis):

- **Nhiệm vụ:** Xây dựng mô hình tài chính sơ bộ (Financial Model) để tính toán:
 - NPV (Giá trị hiện tại ròng)
 - IRR (Tỷ suất hoàn vốn nội bộ)
 - Thời gian hoàn vốn (Payback period)
- **Mục tiêu:** Chứng minh dự án hấp dẫn đối với nhà đầu tư tư nhân.

IV. KẾ HOẠCH THU HÚT ĐẦU TƯ

4.1. Xác định đối tượng mục tiêu

Lập danh sách (Short-list) 50 nhà đầu tư tiềm năng theo các nhóm:

- Hãng hàng không hàng hóa (Cargo Airlines): Korean Air, Cathay Pacific Cargo, UPS...
- Nhà phát triển hạ tầng (Infrastructure Developers): VSIP, BW Industrial, Mapletree...
- Tập đoàn công nghệ (Tech Giants): Các vệ tinh của Samsung, Amkor, Foxconn.

4.2. Lộ trình xúc tiến đầu tư:

Đề xuất kế hoạch Roadshow tại các thị trường trọng điểm: Hàn Quốc (Incheon), Đài Loan (Hsinchu), Mỹ (Silicon Valley) và Châu Âu.

PHẦN THỨ SÁU

ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- I. Xây dựng khung cơ chế, chính sách đặc thù (the policy sandbox)
- II. Giải pháp về quản lý vận hành và an ninh
- III. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
- IV. Lộ trình và tổ chức thực hiện
- V. Đề xuất, kiến nghị



I. XÂY DỰNG KHUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ (THE POLICY SANDBOX)

Thiết kế gói cơ chế vượt trội so với luật hiện hành, tham chiếu Nghị quyết 136 (Đà Nẵng) và Nghị quyết 98 (TP.HCM) nhưng tùy biến cho đặc thù Hàng không.

1.1. Nhóm chính sách về Quản lý Nhà nước và Tổ chức bộ máy

1.1.1. Thiết lập Mô hình Quản trị Tích hợp và Cơ quan Thẩm quyền Đặc khu:

- ✓ Nghiên cứu xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất một cơ quan quản lý có quyền tự chủ tài chính và độc lập về mặt hành chính, cho phép cơ quan này thiết lập khung quy định cục bộ về cấp phép kinh doanh số và kiểm soát quy hoạch nội khu mà không cần thông qua nhiều tầng nấc phê duyệt.
- ✓ Nghiên cứu cơ chế thành lập hội đồng cố vấn toàn cầu bao gồm các chuyên gia quốc tế tham gia vào việc điều hành chiến lược kinh tế của dự án.

I. XÂY DỰNG KHUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

1.1.2. Cơ chế thuê Tư vấn/Nhân sự quốc tế:

- ✓ Đề xuất cơ chế trả lương theo giá thị trường để thuê Tổng giám đốc điều hành (CEO) hoặc các chuyên gia quy hoạch quốc tế tham gia Ban Quản lý.

1.2. Nhóm chính sách về Ưu đãi Đầu tư và Thuế

1.2.1. Ưu đãi Thuế Thu nhập doanh nghiệp (CIT):

- ✓ Đề xuất mức thuế suất ưu đãi (ví dụ: 10% trong 15 năm, miễn 4 năm, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo).
- ✓ Đối tượng: Dự án logistics hàng không, công nghiệp bán dẫn (OSAT), trung tâm R&D.

1.2.2. Ưu đãi Thuế Thu nhập cá nhân (PIT):

- ✓ Đề xuất giảm 50% thuế TNCN cho các chuyên gia, nhà khoa học làm việc tại Khu TMTD (để thu hút nhân tài bán dẫn về Bắc Ninh sống và làm việc).

I. XÂY DỰNG KHUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

1.3. Nhóm chính sách về Thương mại và Hải quan (Đột phá cho Hàng không)

- Nghiên cứu cơ chế một cửa mở rộng, kết nối trực tiếp giao diện lập trình ứng dụng giữa hệ thống quản lý của khu vực với các điểm tiếp nhận hàng hoá lớn và mạng lưới đường sắt liên vận, tiến tới loại bỏ thủ tục giấy tờ quá cảnh trung gian.
- Nghiên cứu một khung chia sẻ dữ liệu cho phép nhà sản xuất nguyên liệu, các công ty dịch vụ hậu cần và cơ quan hải quan có chung một sổ cái dữ liệu phân tán để giám sát và truy xuất nguồn gốc linh kiện theo thời gian thực, biến dự án thành một nút trung tâm điều phối chuỗi cung ứng toàn cầu không gián đoạn.

I. XÂY DỰNG KHUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ (tiếp)

1.3.1. Quy chế Khu phi thuế quan (Non-tariff Regulations):

- ✓ **Nhiệm vụ:** Xây dựng quy trình xác nhận hàng hóa không chịu thuế XNK, thuế GTGT, thuế TTĐB khi luân chuyển trong khu vực nội bộ FTZ và từ nước ngoài vào FTZ.

1.3.2. Hải quan thông minh:

- ✓ Miễn kiểm tra thực tế hàng hóa (Luồng xanh tuyệt đối) đối với linh kiện điện tử/bán dẫn của doanh nghiệp ưu tiên.
- ✓ Thông quan điện tử 24/7, cho phép hàng hóa đi thẳng từ máy bay về kho nhà máy (Air-to-Factory) trong vòng 3 giờ.

I. XÂY DỰNG KHUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

1.4. Nhóm chính sách về Đất đai và Tài chính đất đai

1.4.1. Miễn tiền thuê đất:

- ❖ Đề xuất miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê đối với các dự án hạ tầng chiến lược (Nhà ga hàng hóa, Trung tâm logistics).

1.4.2. Thế chấp quyền sử dụng đất:

- ❖ Đề xuất thí điểm cho phép nhà đầu tư nước ngoài thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các ngân hàng quốc tế (để huy động vốn rẻ).

I. XÂY DỰNG KHUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

1.5. Nhóm chính sách Thử nghiệm Thể chế chuyên biệt cho Đổi mới sáng tạo, Công nghệ và Tài chính số

- Nghiên cứu khung thử nghiệm công nghệ tài chính, cho phép ứng dụng các công cụ tài trợ thương mại bằng chuỗi khối, sử dụng hợp đồng thông minh trong thông quan hải quan, và cung cấp hàng lang linh hoạt cho các loại hình tài sản số dùng trong thanh toán doanh nghiệp giới hạn nội khu nhằm tạo tính thanh khoản xuyên biên giới tức thời.
- Xây dựng khung thử nghiệm công nghệ, cho phép triển khai mạng lưới xe tự lái trong nội khu logistics, sử dụng máy bay không người lái trong vận chuyển hàng hóa, và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo can thiệp vào quản lý dữ liệu lưu lượng hạ tầng.
- Nghiên cứu thiết lập không gian thử nghiệm về thu hút nhân tài thông qua cơ chế cấp phát thị thực tự động hoặc quy trình rút gọn đặc biệt dành cho chuyên gia trí tuệ nhân tạo, kỹ sư bán dẫn và lãnh đạo quỹ đầu tư quốc tế, đi kèm các chính sách ưu đãi định cư tạm thời để bồi đắp nền tảng tri thức cho hệ sinh thái.

I. XÂY DỰNG KHUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

1.6. Cơ chế đào tạo thu hút nhân lực chất lượng cao và chuyên gia quốc tế

- Ban hành chính sách ưu đãi về thuế thu nhập, nhà ở, điều kiện làm việc và thủ tục cư trú để thu hút chuyên gia, kỹ sư và lao động trình độ cao trong các lĩnh vực trọng điểm.
- Thiết lập cơ chế liên kết giữa doanh nghiệp – cơ sở đào tạo – trung tâm đổi mới sáng tạo nhằm đào tạo theo nhu cầu thị trường và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương..

II. GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH VÀ AN NINH

2.1. Mô hình phối hợp Quân sự - Dân sự:

Định hướng về quy chế phối hợp điều hành bay và quản lý đất đai giữa:

- Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động (Đơn vị quản lý sân bay về mặt an ninh/quân sự).
- Doanh nghiệp cảng (Đơn vị khai thác thương mại).
- Tổng công ty Quản lý bay (VATM).

2.2. Ứng dụng công nghệ quản lý (Digital Twin):

- Đề xuất xây dựng hệ thống Bản sao số (Digital Twin) của toàn bộ Khu TMTD để quản lý hạ tầng ngầm, nổi và luồng hàng hóa theo thời gian thực.

III. GIẢI PHÁP VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

3.1. Đào tạo chuyển đổi:

- Xây dựng chương trình hỗ trợ kinh phí đào tạo cho người dân địa phương bị thu hồi đất để chuyển sang làm các nghề dịch vụ sân bay (lái xe, vệ sinh, an ninh, phục vụ mặt đất).

3.2. Liên kết đào tạo Bán dẫn:

- Cụ thể hóa các Nghị quyết, chính sách của tỉnh bằng cơ chế đặt hàng các trường Đại học đào tạo kỹ sư theo địa chỉ cho các doanh nghiệp trong FTZ.

IV. LỘ TRÌNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Lộ trình pháp lý

4.2. Phân công trách nhiệm

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

5.1. Kiến nghị Bộ Chính trị/Quốc hội:

- Cho phép Bắc Ninh áp dụng các cơ chế đặc thù tương tự hoặc cao hơn Đà Nẵng do tính chất cạnh tranh khốc liệt của ngành bán dẫn và hàng không.

5.2. Kiến nghị Chính phủ:

- Hỗ trợ vốn ngân sách Trung ương để đầu tư đường kết nối đối ngoại chính yếu vào khu thương mại tự do. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực (EVN) đảm bảo nguồn điện ưu tiên đặc biệt.

PHẦN PHỤ LỤC

1. **PHỤ LỤC I:** TỔNG QUAN VỀ KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO TRÊN THẾ GIỚI
2. **PHỤ LỤC II:** DANH MỤC HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN
3. **PHỤ LỤC III:** HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU TÍNH TOÁN SỬ DỤNG ĐẤT
4. **PHỤ LỤC IV:** TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO GIA BÌNH
5. **PHỤ LỤC V:** ĐỐI CHIẾU GIỮA CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH VÀ CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG CHO KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO GIA BÌNH
6. **PHỤ LỤC VI:** CÁC CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH TRONG NGHỊ QUYẾT VỀ THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CHO KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO GIA BÌNH
7. **PHỤ LỤC VII:** ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG



PHỤ LỤC I: TỔNG QUAN VỀ KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO TRÊN THẾ GIỚI

- 1. Tổng quan về lịch sử phát triển và hình thành Khu thương mại tự do**
- 2. Các quan điểm về Khu thương mại tự do**
- 3. Một số đặc điểm của Khu thương mại tự do**
- 4. Tác động của Khu thương mại tự do đối với phát triển của các Quốc gia**
- 5. Tổng quan các quy định liên quan đến quản lý, vận hành Khu thương mại tự do**
- 6. Tổng quan các chính sách ưu đãi trong Khu thương mại tự do**
- 7. Các mô hình quản lý, vận hành Khu thương mại tự do**

PHỤ LỤC II - VII

- **PHỤ LỤC II: DANH MỤC HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN**
- **PHỤ LỤC III: HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU TÍNH TOÁN SỬ DỤNG ĐẤT**
- **PHỤ LỤC IV: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO GIA BÌNH**
- **PHỤ LỤC V: ĐỐI CHIẾU GIỮA CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH VÀ CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG CHO KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO GIA BÌNH**
- **PHỤ LỤC VI: CÁC CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH TRONG NGHỊ QUYẾT VỀ THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CHO KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO GIA BÌNH**
- **PHỤ LỤC VII: ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**
 1. Tổng hợp các nguồn gây tác động
 2. Dự báo các tác động đối với việc thành lập Khu thương mại tự do

An aerial rendering of a modern airport and city development. The scene shows a large airport terminal with multiple runways and taxiways. Several commercial aircraft are parked at gates. To the right of the airport, there is a large residential or commercial development with numerous high-rise buildings, green spaces, and a winding river. The sun is low in the sky, creating a warm, golden glow over the entire scene.

CẢM ƠN QUÝ VỊ ĐÃ CHÚ Ý LẮNG NGHE!

Bắc Ninh, Tháng 03 năm 2026